



xiǎo yàng

小样

noun / interjection · sample; (colloquial) little guy; you little...

Example Sentences

Qǐng gěi wǒ yī fèn xǐ fà shuǐ de xiǎo yàng

请给我一份洗发水的小样。

Please give me a sample of the shampoo.

Xiǎo yàng nǐ jū rán gǎn piàn wǒ

小样，你居然敢骗我！

You little rascal, you actually dared to trick me!

Trace each character, then write the word on your own.

小	小	小	小	小	小						
样	样	样	样	样	样	样	样	样	样	样	
样	样										